

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
NĂM HỌC: 2024 - 2025

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập						Rèn luyện						Khen thưởng cuối năm								
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Toàn trường				1120	233	20.8	411	36.7	471	42.05	5	0.45	1079	96.34	38	3.39	3	0.27	0	0	37	3.3	196	17.5
1	Khối 6		311	59	18.97	125	40.19	125	40.19	2	0.64	303	97.43	8	2.57	0	0	0	0	7	2.25	52	16.72	
1.1	6A	NGUYỄN THỊ THANH HUỖN	52	20	38.46	21	40.38	11	21.15	0	0	52	100	0	0	0	0	0	0	2	3.85	18	34.62	
1.2	6B	LÊ THỊ THU TRANG	52	6	11.54	21	40.38	25	48.08	0	0	47	90.38	5	9.62	0	0	0	0	1	1.92	5	9.62	
1.3	6C	KHUÔNG THỊ THUY VÂN	52	13	25	20	38.46	19	36.54	0	0	52	100	0	0	0	0	0	0	3	5.77	10	19.22	
1.4	6D	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	52	9	17.31	21	40.38	20	38.46	2	3.85	49	94.23	3	5.77	0	0	0	0	1	1.92	8	15.38	
1.5	6E	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	51	6	11.76	21	41.18	24	47.06	0	0	51	100	0	0	0	0	0	0	0	0	6	11.76	
1.6	6F	ĐƯƠNG THỊ NGÀ	52	5	9.62	21	40.38	26	50	0	0	52	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	9.62	
2 Khối 7				336	64	19.05	109	32.44	161	47.92	2	0.6	325	96.73	11	3.27	0	0	0	0	6	1.79	58	17.26
2.1	7A	TRẦN THỊ DUY	47	4	8.51	17	36.17	24	51.06	2	4.26	47	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	4.26	
2.2	7B	LÊ HÙNG CƯỜNG	46	7	15.22	13	28.26	26	56.52	0	0	44	95.65	2	4.35	0	0	0	0	0	0	7	15.22	
2.3	7C	ĐĂNG THỊ BÌNH	47	25	53.19	12	25.53	10	21.28	0	0	47	100	0	0	0	0	0	0	0	0	25	53.19	
2.4	7D	PHAN THỊ VIỆT	49	19	38.78	20	40.82	10	20.41	0	0	49	100	0	0	0	0	0	0	4	8.16	15	30.61	
2.5	7E	NGUYỄN THỊ THANH MAI	50	6	12	11	22	33	66	0	0	49	98	1	2	0	0	0	0	0	0	6	12	
2.6	7F	CAO THỊ HUỆ	48	2	4.17	15	31.25	31	64.58	0	0	48	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	4.17	
2.7	7G	LÊ THỊ THU TRANG	49	1	2.04	21	42.86	27	55.1	0	0	41	83.67	8	16.33	0	0	0	0	0	0	1	2.04	
3 Khối 8				267	56	20.97	113	42.32	97	36.33	1	0.37	257	96.25	9	3.37	1	0.37	0	0	13	4.87	43	16.1
3.1	8A	H RỚT AYUN	45	8	17.78	14	31.11	23	51.11	0	0	42	93.33	2	4.44	1	2.22	0	0	2	4.44	6	13.33	
3.2	8B	TRẦN THỊ TỎ ĐOAN	45	5	11.11	21	46.67	19	42.22	0	0	44	97.78	1	2.22	0	0	0	0	2	4.44	3	6.67	
3.3	8C	LÊ THỊ THU THỦY	43	5	11.63	18	41.86	19	44.19	1	2.33	40	93.02	3	6.98	0	0	0	0	1	2.33	4	9.3	
3.4	8D	LÝ NGUYỄN THU NHỊ	44	6	13.64	17	38.64	21	47.73	0	0	41	93.18	3	6.82	0	0	0	0	0	0	6	13.64	
3.5	8E	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	45	14	31.11	24	53.33	7	15.56	0	0	45	100	0	0	0	0	0	0	5	11.11	9	20	
3.6	8F	BUI THỊ KIỀU TRANG	45	18	40	19	42.22	8	17.78	0	0	45	100	0	0	0	0	0	0	3	6.67	15	33.33	
4 Khối 9				206	54	26.21	64	31.07	88	42.72	0	0	194	94.17	10	4.85	2	0.97	0	0	11	5.34	43	20.87
4.1	9A	ĐĂNG THỊ THANH TRANG	41	18	43.9	19	46.34	4	9.76	0	0	41	100	0	0	0	0	0	0	3	7.32	15	36.59	
4.2	9B	VŨ THỊ THANH XUÂN	43	13	30.23	14	32.56	16	37.21	0	0	40	93.02	3	6.98	0	0	0	0	3	6.98	10	23.26	
4.3	9C	NGUYỄN THANH MAI	39	6	15.38	11	28.21	22	56.41	0	0	38	97.44	0	0	1	2.56	0	0	1	2.56	5	12.82	
4.4	9D	LÊ HỒNG DƯƠNG	42	12	28.57	12	28.57	18	42.86	0	0	37	88.1	4	9.52	1	2.38	0	0	2	4.76	10	23.81	
4.5	9E	NGUYỄN THỊ MAI	41	5	12.2	8	19.51	28	68.29	0	0	38	92.68	3	7.32	0	0	0	0	2	4.88	3	7.32	

(*) : Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRUNG HỌC CƠ SỞ

NGUYỄN CHÍ THANH

BUƠN MA THUỘT

ĐẠI LÃNG

Bùi Lan Anh

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ DÂN TỘC
NĂM HỌC: 2024 - 2025

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập						Rèn luyện						Khen thưởng cuối năm								
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Toàn trường				185	19	10.27	67	36.22	98	52.97	1	0.54	175	94.59	9	4.86	1	0.54	0	0	2	1.08	17	9.19
1	Khối 6		38	0	0	13	34.21	24	63.16	1	2.63	36	94.74	2	5.26	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	6A	NGUYỄN THỊ THANH HUỖN	6	0	0	4	66.67	2	33.33	0	0	6	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	6B	LÊ THỊ THU TRANG	7	0	0	2	28.57	5	71.43	0	0	6	85.71	1	14.29	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.3	6C	KHUÔNG THỊ THUY VÂN	7	0	0	3	42.86	4	57.14	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.4	6D	NGUYỄN THỊ THANH HẰNG	6	0	0	2	33.33	3	50	1	16.67	5	83.33	1	16.67	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.5	6E	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	7	0	0	1	14.29	6	85.71	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.6	6F	DƯƠNG THỊ NGÀ	5	0	0	1	20	4	80	0	0	5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Khối 7		47	4	8.51	14	29.79	29	61.7	0	0	46	97.87	1	2.13	0	0	0	0	0	0	4	8.51	
2.1	7A	TRẦN THỊ DUY	9	0	0	3	33.33	6	66.67	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	7B	LÊ HÙNG CƯỜNG	8	1	12.5	4	50	3	37.5	0	0	8	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	12.5	
2.3	7C	ĐẶNG THỊ BÌNH	3	0	0	3	100	0	0	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.4	7D	PHAN THỊ VIỆT	3	2	66.67	0	0	1	33.33	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	66.67	
2.5	7E	NGUYỄN THỊ THANH MAI	9	1	11.11	0	0	8	88.89	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	11.11	
2.6	7F	CAO THỊ HUỆ	9	0	0	2	22.22	7	77.78	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.7	7G	LÊ THỊ THU TRANG	6	0	0	2	33.33	4	66.67	0	0	5	83.33	1	16.67	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Khối 8		53	8	15.09	21	39.62	24	45.28	0	0	52	98.11	1	1.89	0	0	0	0	2	3.77	6	11.32	
3.1	8A	H RƠT AYUN	11	0	0	3	27.27	8	72.73	0	0	11	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.2	8B	TRẦN THỊ TỎ ĐOAN	9	0	0	5	55.56	4	44.44	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.3	8C	LÊ THỊ THU THUY	9	2	22.22	3	33.33	4	44.44	0	0	8	88.89	1	11.11	0	0	0	0	1	11.11	1	11.11	
3.4	8D	LÝ NGUYỄN THU NHI	10	2	20	5	50	3	30	0	0	10	100	0	0	0	0	0	0	0	2	20		
3.5	8E	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	6	2	33.33	2	33.33	2	33.33	0	0	6	100	0	0	0	0	0	0	1	16.67	1	16.67	
3.6	8F	BUI THỊ KIỀU TRANG	8	2	25	3	37.5	3	37.5	0	0	8	100	0	0	0	0	0	0	0	2	25		
4	Khối 9		47	7	14.89	19	40.43	21	44.68	0	0	41	87.23	5	10.64	1	2.13	0	0	0	0	7	14.89	
4.1	9A	ĐẶNG THỊ THANH TRANG	7	5	71.43	2	28.57	0	0	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	5	71.43		
4.2	9B	VŨ THỊ THANH XUÂN	7	1	14.29	3	42.86	3	42.86	0	0	5	71.43	2	28.57	0	0	0	0	0	0	1	14.29	
4.3	9C	NGUYỄN THANH MAI	10	1	10	5	50	4	40	0	0	10	100	0	0	0	0	0	0	0	1	10		
4.4	9D	LÊ HỒNG DƯƠNG	11	0	0	5	45.45	6	54.55	0	0	8	72.73	2	18.18	1	9.09	0	0	0	0	0	0	
4.5	9E	NGUYỄN THỊ MAI	12	0	0	4	33.33	8	66.67	0	0	11	91.67	1	8.33	0	0	0	0	0	0	0	0	

(*) : Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 5 năm 2025



Bui Lan Oanh

THÔNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH DÂN TỘC
NĂM HỌC: 2024 - 2025

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập						Rèn luyện						Khen thưởng cuối năm								
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Toàn trường				381	30	7.87	103	27.03	246	64.57	2	0.52	354	92.91	25	6.56	2	0.52	0	0	4	1.05	26	6.82
1	Khối 6		99	4	4.04	29	29.29	65	65.66	1	1.01	95	95.96	4	4.04	0	0	0	0	0	0	4	4.04	
1.1	6A	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	9	0	0	4	44.44	5	55.56	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	6B	LÊ THỊ THU TRANG	18	0	0	5	27.78	13	72.22	0	0	16	88.89	2	11.11	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.3	6C	KHUÔNG THỊ THUY VÂN	19	0	0	8	42.11	11	57.89	0	0	19	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.4	6D	NGUYỄN THỊ THANH HANG	18	3	16.67	3	16.67	11	61.11	1	5.56	16	88.89	2	11.11	0	0	0	0	0	0	3	16.67	
1.5	6E	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	18	0	0	4	22.22	14	77.78	0	0	18	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.6	6F	DƯƠNG THỊ NGÀ	17	1	5.88	5	29.41	11	64.71	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	5.88	
2	Khối 7		96	5	5.21	18	18.75	72	75	1	1.04	91	94.79	5	5.21	0	0	0	0	0	0	5	5.21	
2.1	7A	TRẦN THỊ DUY	17	0	0	4	23.53	12	70.59	1	5.88	17	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	7B	LÊ HÙNG CƯỜNG	16	2	12.5	6	37.5	8	50	0	0	15	93.75	1	6.25	0	0	0	0	0	0	2	12.5	
2.3	7C	ĐẶNG THỊ BÌNH	8	0	0	3	37.5	5	62.5	0	0	8	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.4	7D	PHAN THỊ VIỆT	9	2	22.22	0	0	7	77.78	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22.22	
2.5	7E	NGUYỄN THỊ THANH MAI	16	1	6.25	0	0	15	93.75	0	0	15	93.75	1	6.25	0	0	0	0	0	0	1	6.25	
2.6	7F	CAO THỊ HUỆ	15	0	0	2	13.33	13	86.67	0	0	15	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.7	7G	LÊ THỊ THU TRANG	15	0	0	3	20	12	80	0	0	12	80	3	20	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Khối 8		100	9	9	32	32	59	59	0	0	93	93	7	7	0	0	0	0	2	2	7	7	
3.1	8A	H RÓT AYUN	20	0	0	4	20	16	80	0	0	18	90	2	10	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.2	8B	TRẦN THỊ TỎ ĐOAN	19	0	0	8	42.11	11	57.89	0	0	18	94.74	1	5.26	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.3	8C	LÊ THỊ THU THỦY	16	2	12.5	4	25	10	62.5	0	0	14	87.5	2	12.5	0	0	0	0	1	6.25	1	6.25	
3.4	8D	LÝ NGUYỄN THU NHI	19	2	10.53	7	36.84	10	52.63	0	0	17	89.47	2	10.53	0	0	0	0	0	0	2	10.53	
3.5	8E	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	12	3	25	4	33.33	5	41.67	0	0	12	100	0	0	0	0	0	0	1	8.33	2	16.67	
3.6	8F	BÙI THỊ KIỀU TRANG	14	2	14.29	5	35.71	7	50	0	0	14	100	0	0	0	0	0	0	0	2	14.29		
4	Khối 9		86	12	13.95	24	27.91	50	58.14	0	0	75	87.21	9	10.47	2	2.33	0	0	2	2.33	10	11.63	
4.1	9A	ĐẶNG THỊ THANH TRANG	11	7	63.64	2	18.18	2	18.18	0	0	11	100	0	0	0	0	0	0	0	7	63.64		
4.2	9B	VŨ THỊ THANH XUÂN	13	1	7.69	4	30.77	8	61.54	0	0	10	76.92	3	23.08	0	0	0	0	0	0	1	7.69	
4.3	9C	NGUYỄN THANH MAI	20	2	10	6	30	12	60	0	0	19	95	0	0	1	5	0	0	0	2	10		
4.4	9D	LÊ HỒNG DƯƠNG	19	1	5.26	7	36.84	11	57.89	0	0	14	73.68	4	21.05	1	5.26	0	0	1	5.26	0	0	
4.5	9E	NGUYỄN THỊ MAI	23	1	4.35	5	21.74	17	73.91	0	0	21	91.3	2	8.7	0	0	0	0	1	4.35	0	0	

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

TP. Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 5 năm 2025.



Bùi Lan Anh